

Số: /QĐ-BVM

Bình Định, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026, thuộc dự án/dự toán mua sắm Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Mắt tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-BVM ngày 25/12/2024 của Bệnh viện Mắt Bình Định Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số E2400614643_2412301418 ngày 30/12/2024 của Giám đốc Bệnh viện Mắt Bình Định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026 thuộc dự án/dự toán mua sắm Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026;

Căn cứ Báo cáo đánh giá số 01/BCĐG-TCG ngày 11/02/2025 của Tổ chuyên gia Gói thầu Thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị Thuộc dự toán Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026;

Căn cứ Tờ trình số 335/TTr-TCG ngày 06/03/2025 của Tổ chuyên gia về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 07/03/2025 của Tổ Thẩm định báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025-2026;

Xem xét đề nghị của Tổ trưởng tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ thẩm định đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: *Thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị*; thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2400614643
- Tên gói thầu: Thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 8.390.892.928 VND
- Tên chủ đầu tư: BỆNH VIỆN MẮT BÌNH ĐỊNH
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 Tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

ST T	Phần/ lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	Bevacizumab	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	vn0302597576	815.329.080	815.329.080	94		815.329.080	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
2	Brinzolamide	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	150.153.003	150.153.003	94		150.153.003	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
3	Brimonidine tartrate + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	224.249.220	224.249.220	93		224.249.220	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
4	Levofloxacin hydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	227.040.975	227.040.975	95		227.040.975	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
5	Levofloxacin hydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	3.307.131.490	3.307.131.490	95		3.307.131.490	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
6	Natri diquafosol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	129.657.000	129.657.000	95		129.657.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	

ST T	Phần/ lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
7	Loteprednol etabonate	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	vn0304528578	52.680.000	52.680.000	94		52.680.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
8	Bimatoprost	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	88.227.650	88.227.650	94		88.227.650	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
9	Nepafenac	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	7.649.950	7.649.950	94		7.649.950	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
10	Ofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	196.110.720	196.110.720	95		196.110.720	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
11	Ofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	553.750.470	553.750.470	95		553.750.470	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	

ST T	Phần/ lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
12	Olopatadine hydrochloride	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	66.860.490	66.860.490	94		66.860.490	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
13	Natri hyaluronat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	249.875.160	249.875.160	95		249.875.160	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
14	Natri hyaluronat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	330.120.000	330.120.000	95		330.120.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
15	Tafluprost	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	489.598.000	489.598.000	95		489.598.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
16	Tafluprost	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	71.400.000	71.400.000	95		71.400.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	

ST T	Phần/ lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
17	Tobramycin + Dexamethasone	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	673.409.600	673.409.600	94		673.409.600	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
18	Tobramycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	72.798.180	72.798.180	95		72.798.180	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
19	Travoprost	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	252.299.000	252.299.000	94		252.299.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	
20	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	vn0400101404	195.750.000	195.750.000	94		195.750.000	24 tháng	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 31/12/2026	

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Ranibizumab	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC- THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Không đúng hàm lượng mời thầu (mời thầu "2,3mg/0,23ml", dự thầu "1,65mg/0,165ml"); không đúng đơn vị tính (mời thầu "Lọ", dự thầu "Bơm tiêm")

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

Thông tin về hàng hóa trúng thầu được nêu tại *Bảng số 01* kèm theo

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao cho Khoa Dược- Vật tư thiết bị y tế- Xét nghiệm- Chống nhiễm khuẩn căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Tổ chức- Hành chính- Tài chính, Khoa Dược- Vật tư thiết bị y tế- Xét nghiệm- Chống nhiễm khuẩn, các nhà thầu trúng thầu và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Y tế (báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Lãnh đạo Bệnh viện;
- Trang TTĐT Bệnh viện;
- Lưu: VT, KD, TC-HC-TC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Triết

